

Số: 97/2024/QĐST-DS

Tp. Trà Vinh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 363/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân S;

Địa chỉ: Khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Văn T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân S là ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số E đường Q, khóm E, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hoàng N đại diện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân S – Thương mại Nguyễn T và bị đơn ông Nguyễn Duy T1 cùng thỏa thuận thống nhất:

Ông Nguyễn Duy T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân S số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 241.183.761 đồng (Hai trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là 170.279.414 đồng (Một trăm bảy mươi triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm mười bốn đồng) và số tiền lãi là 70.904.347 đồng

(Bảy mươi triệu chín trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/11/2024 cho đến khi trả hết khoản nợ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 6.030.000 đồng: Ông Nguyễn Văn T – Chủ DNTN Sản xuất - Thương mại Nguyễn T phải chịu 3.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.900.000 đồng theo biên lai số 0001031 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch theo biên lai thu trên là 2.885.000. Ông Nguyễn Duy T1 phải chịu 3.015.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông T1 thuộc diện cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông T1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND TPTV;
- TAND TTV;
- Chi cục THADS TPTV;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Kiều Trang